

Số: 03/2022/QĐST-HNGĐ.

Hà Quảng, ngày 04 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐỒNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Dương Thị D, sinh ngày 10/5/1996.

Nơi ĐKKHKT: Xóm N, xã B, huyện H, tỉnh B.

Nơi ở hiện nay: Xóm R, xã B, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Lý Văn Th, sinh ngày 09/11/1992.

Nơi ĐKKHKT: Xóm N, xã B, huyện H, tỉnh B.

Nơi ở hiện nay: Xóm N, xã B, huyện H, tỉnh B.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 32, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đồng sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đồng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương Thị D và anh Lý Văn Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đồng sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị D và anh Lý Văn Th.

2.2. Về con chung: Chị Dương Thị D và anh Lý Văn Th cùng xác nhận và cam đoan là có 02(Hai) người con chung là Lý Dương H (sinh ngày 04/12/2014), Lý Dương P (sinh ngày 15/9/2016).

Về việc nuôi con: Chị Dương Thị D và anh Lý Văn Th đã tự nguyện thỏa thuận và đồng ý giao hai người con chung tên Lý Dương H (sinh ngày 04/12/2014), giới tính: Nam; cháu Lý Dương Ph (sinh ngày 15/9/2016), giới tính: Nam cho anh Lý Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị D và anh Lý Văn Th đã tự nguyện thỏa thuận và đồng ý về việc anh Th không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Th có đủ điều kiện và khả năng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về việc chia tài sản:

- Tài sản riêng, tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung hai vợ chồng thống nhất như sau:

* Phần nợ của anh Lý Văn Th (người ủy quyền cho anh Th là chị Dương Thị D), trực tiếp vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hà, tỉnh B. Tại Tòa chị Dương Thị D tự nhận chịu trả thay toàn bộ cả số tiền gốc và lãi phát sinh khi vợ chồng chấm dứt quan hệ hôn nhân, theo sổ vay vốn sau:

+ Họ tên người vay: Lý Văn Th, địa chỉ cư trú: N, H, H, B (theo giấy ủy quyền ngày 03/4/2019), số nhân khẩu 04 người, trong đó số lao động 02 người. Vay ngày 10/04/2019 số tiền vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), lãi suất 6,6% hạn trả cuối cùng ngày 10/4/2024. Hiện nay số lãi phát sinh hàng tháng chị D đã thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng chính sách xã H theo thời hạn.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:**

+ Bà Nguyễn Thị T, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, có mặt tại buổi hòa giải, nhất trí theo phương thức thỏa thuận của hai vợ chồng chị Dương Thị D và anh Lý Văn Th đưa ra. Chị D sau khi ly hôn phải thực hiện việc trả nợ theo cam kết với Ngân hàng. Nếu vi phạm hợp đồng không trả theo cam kết đã ký kết thì Ngân hàng sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

2.4. Về án phí: Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 26, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Mỗi người phải chịu 75.000đ tiền án phí, chị D tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ, để sung quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ từ khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 002605 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị D được hoàn lại 150.000đ tiền tạm án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện H khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Đối với phần nợ chung: Hai bên thỏa thuận nhất trí là chị Dương Thị D có trách nhiệm trả thay anh Th theo hợp đồng trên. Cụ thể:

+ Anh Lý Văn Th vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, với số tiền vay 30.000.000đ (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng). Nay chị D tự nhận trả thay anh Th số tiền 30.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh sau này cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H tính từ ngày 25/4/2022. Ngoài ra chị D còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền còn nợ chưa trả là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.500.000 \text{ đồng}$; $2 = 775.000 \text{ đồng}$ (được giảm 50% án phí) - 150.000 đồng (phần án phí ly hôn đã nộp) = 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi năm nghìn đồng), để sung quỹ Nhà nước.

Tổng cộng chị Dương Thị D phải nộp số tiền án phí dân sự có giá ngạch của phần phải trả nợ là: 625.000đ (Sáu trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Anh Lý Văn Th không phải nộp tiền án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hà Quảng;
- Các đ- ơng sự;
- Người có QLNVLQ trong vụ án;
- UBND xã Mã Ba;
- Chi cục THADS huyện Hà Quảng;
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bá Thanh

